TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **77**/2026/QĐST- HNGĐ	*Điện Biên, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: chị Lương Thị T, sinh năm 2002.
Nơi thường trú: Tổ 1, phường Đ, tỉnh Điện Biên.
- Bị đơn: Anh Tòng Anh T, sinh năm 2003.
Nơi thường trú: Bản P, xã T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84,110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Ngày 05/3/2026 chị Lương Thị T rút yêu cầu đòi anh T số tiền 23.500.000đ, Tòa án đã có Thông báo số 01/ TB-TA ngày 05/3/2026 thông báo cho các đương sự, tại phiên hòa giải ngày 20/3/2026 các đương sự nhất trí không yêu cầu tòa án giải quyết nội dung này.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Tòng Anh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lương Thị T và anh Tòng Anh T thuận tình ly hôn.

2. 2. Về con chung: chị Lương Thị T là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tòng Thái T, sinh 23/7/2025 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Tòng Anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/ tháng, bắt đầu tính từ ngày quyết định thuận tình có hiệu lực (30/3/2026) cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động, tài sản để tự nuôi mình. Số tiền cấp dưỡng nuôi con chuyển vào tài khoản chị T: 2209026666, ngân hàng Techcombank vào ngày 15 hàng tháng.

Chị T không yêu cầu tính lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5; b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và sự tự nguyện của nguyên đơn Lương Thị T chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn và cấp dưỡng nuôi con cho anh T. Chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí thuận tình ly hôn và 150.000đ án phí về về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000109 nộp ngày 26/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh ĐIện Biên.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 2 Điện Biên;
- UBND xã Noong Hẹt (nay là Thanh An), tỉnh Điện Biên, (Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu VP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga